TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ - ST
Ngày 22 - 8 - 2018
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình La.

2. Bà Hoàng Thị Hanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Xuân Chín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chỗ ở hiện tại: Số 229, phố Lẻ 1, đường TT, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đinh Tiến D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Huỳnh Thị Nga, sinh năm 1962, (Vắng mặt);

Ông Đinh Văn H, sinh năm 1959, (Có mặt);

Đều địa chỉ: Thôn Đ, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngân hàng Chính sách Xã hội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quốc T – Tổng giám đốc.

Ngân hàng được ủy quyền: Ngân hàng Chính sách Xã hội – Chi nhánh huyện TD;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Viết Thanh T1 – Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội – Chi nhánh huyện TD (Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 4716/QĐ – NHCS ngày 25 tháng 11 năm 2016).

Địa chỉ: Thị trấn HH1, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

Bà Đinh Thị T, sinh năm 1935;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

Bà Phùng Thị S, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số 229, phố Lẻ 1, đường TT, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 6 năm 2017, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh D kết hôn ngày 24 tháng 3 năm 2010, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh D làm dâu và ở chung được 02 tháng thì vợ chồng ra ở riêng vào 01 gian nhà cùng nhà với gia đình. Qúa trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2017, vợ chồng mâu thuẫn căng

thẳng nên chị về gia đình bố mẹ đẻ chị ở số 229, phố Lẻ 1, đường TT, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc ở, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm từ thời gian đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, anh D cờ bạc, có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Bị đơn anh Đinh Tiến D trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị P về thời gian, thủ tục kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Chị P và anh D xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đinh Hồng Nhung, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2011 và Đinh Thành Lộc, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012. Hiện nay cháu Nhung đang ở với chị P, cháu Lộc đang ở với anh D. Ly hôn, hai bên thỏa thuận để chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Hồng Nhung, anh D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Thành Lộc. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P và anh D xác nhận vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 sân gạch có diện tích 73m^2; 01 nhà bếp hai gian xây gạch chỉ; 01 nhà tắm + 01 nhà vệ sinh đổ mái bằng; 02 cánh cổng sắt. Các công trình trên được xây dựng trên thửa đất số 233, tờ bản đồ số 11, có diện tích 312m^2 (Trong đó có 300m^2 đất ở, 12m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất ở thôn Đ, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đinh Văn H (Bố anh D).

Theo chị P tài sản chung của vợ chồng còn có 01 nhà cấp IV xây vuông góc với hai gian nhà bếp (Nhà hình chữ L) được xây dựng vào khoảng năm 2010. Toàn bộ số tài sản trên hiện nay anh D đang quản lý, sử dụng. Ly hôn, chị để cho anh D được sử dụng toàn bộ tài sản và yêu cầu anh D phải thanh toán cho chị ½ giá trị bằng tiền.

Theo anh D, toàn bộ tài sản trên hiện do anh đang quản lý. Ngoài các tài sản chung anh, chị đã xác nhận, vợ chồng không còn có tài sản chung nào khác. Ngôi nhà cấp IV xây vuông góc với 02 gian nhà bếp là tài sản của ông Đinh Văn H, bà

Huỳnh Thị Nga (Bố mẹ anh). Nay anh không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của chị P.

Về tài sản riêng: Chị P và anh D xác nhận vợ chồng không có tài sản riêng.

Về khoản có cho vay: Chị P và anh D xác nhận vợ chồng không cho ai vay.

Về khoản nợ: Chị P và anh D xác nhận vợ chồng vay của một số người, cụ thể:

- Ngày 12 tháng 3 năm 2015, anh, chị vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện TD số tiền là 12.000.000đồng, lãi suất là 0,8%/tháng, thời gian trả vào ngày 12 tháng 2 năm 2020. Phân kỳ trả nợ là 06 tháng/lần với số tiền là 1.200.000đồng/lần. Tại phiên tòa, chị P và anh D xác nhận vợ chồng đã trả lãi đến ngày 12 tháng 8 năm 2018 nhưng chưa trả được khoản gốc nào. Nay, anh, chị đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền trên.

- Ngày 23 tháng 11 năm 2012, vợ chồng nhờ ông Đinh Văn H và bà Huỳnh Thị Nga vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện TD số tiền là 8.000.000đồng, lãi suất vay là 0,9%/tháng, thời gian trả vào ngày 13 tháng 10 năm 2017. Phân kỳ trả nợ là 06 tháng/lần với số tiền là 800.000đồng. Đã trả lãi đến tháng 02 năm 2017 nhưng chưa trả được khoản nợ gốc.

- Ngày 25 tháng 12 năm 2014, vợ chồng nhờ ông Đinh Văn H và bà Huỳnh Thị Nga vay Hội cựu Chiến binh thôn Đ, xã DP số tiền 3.000.000đồng. Vợ chồng đã trả lãi đầy đủ nhưng chưa trả được khoản gốc nào.

Ngoài ra, theo chị P, vợ chồng còn vay của một số người, cụ thể:

- Vay của ông Đinh Văn H và bà Huỳnh Thị Nga số tiền 10.000.000đồng để làm nhà. Khi vay, hai bên có lập văn bản và thỏa thuận miệng về lãi suất là 0,9%/tháng, thời hạn trả vào tháng 10/2017. Vợ chồng đã trả lãi đến hết tháng 3/2017. Hiện nay, giấy tờ vay do ông H, bà Nga đang lưu giữ, quản lý.

- Vay bà Đinh Thị T ở thôn Đ, xã DP số tiền 10.000.000đồng để làm nhà. Khi vay, bà T ghi nhận nợ vào sổ của bà T và chị ký nhận, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả. Thời hạn vay, chị không nhớ.

- Khoảng năm 2010, vợ chồng vay mẹ chị là bà Phùng Thị S số tiền 10.000.000đồng để làm nhà. Khi vay, không ghi nhận bằng văn bản, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả.

Ly hôn, chị đề nghị chia đôi các khoản nợ trên.

Theo anh D, ngoài các khoản nợ anh và chị P đã thống nhất, vợ chồng không vay ông Đinh Văn H và bà Huỳnh Thị Nga, bà Đinh Thị T, bà Phùng Thị S nên anh không đồng ý với yêu cầu của chị P.

Về công sức: Chị P và anh D xác nhận chị P có khoảng 02 tháng ở chung với gia đình anh D nhưng thời gian này chị không cùng gia đình tạo lập được tài sản gì. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất canh tác: Chị P và anh D xác nhận chị P được cấp 01 sào 10 thước tại phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh D được cấp 01 sào tại xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện do anh, chị đang quản lý. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn H và bà Huỳnh Thị Nga trình bày: Ông, bà thống nhất với lời trình bày của chị P, anh D về những nội dung đã được hai bên thống nhất. Tuy nhiên, ngôi nhà cấp IV xây vuông góc với 02 gian nhà bếp là tài sản của ông, bà bỏ tiền ra xây vào khoảng tháng 8 năm 2010 nên ông, bà không đồng ý với yêu cầu của chị P.

Đối với khoản nợ ngày 23 tháng 11 năm 2012, chị P và anh D nhờ ông, bà vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện TD 8.000.000đồng. Ông, bà đã thực hiện xong các nghĩa vụ đối với khoản vay trên và không còn nợ Ngân hàng. Nay, chị P và anh D ly hôn, ông, bà không yêu cầu chị P và anh D phải thanh toán cho ông, bà số tiền đã trả.

Đối với khoản nợ ngày 25 tháng 12 năm 2014, chị P và anh D nhờ ông, bà vay Hội cựu Chiến binh thôn Đ, xã DP số tiền 3.000.000đồng. Ông, bà sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho Hội cựu Chiến binh thôn Đ, xã DP và không yêu cầu chị P và anh D phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho ông, bà.

Đối với khoản nợ 10.000.000đồng chị P khai vợ chồng anh, chị vay vợ chồng ông, bà để làm nhà là không đúng. Ông, bà xác định không có cho chị P và anh D vay số tiền trên nên ông, bà không có yêu cầu gì.

Đối với các khoản vay khác của chị P và anh D, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội người đại diện theo ủy quyền là ông Trịnh Viết Thanh Tùng vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Bản tự khai, ông Tùng trình bày:

- Ngày 12 tháng 3 năm 2015, chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Tiến D ở thôn Đ, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện TD số tiền là 12.000.000đồng, lãi suất 0,8%/tháng, thời gian trả vào ngày 12 tháng 02 năm 2020. Phân kỳ trả nợ là 06 tháng/lần với số tiền là 1.200.000đồng/lần. Anh, chị đã trả tiền lãi cho Ngân hàng đến ngày 12 tháng 8 năm 2018 nhưng chưa trả được khoản gốc nào.

Nay chị P, anh D ly hôn, Ngân hàng yêu cầu anh D, chị P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền là 12.000.000đồng và lãi suất 0,8%/tháng kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu đến thời hạn trả nợ ngày 12 tháng 02 năm 2020, chị P, anh D không trả cho Ngân hàng tiền thì anh, chị phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất cho vay (1,04%/tháng).

- Ngày 23 tháng 11 năm 2012, ông Đinh Văn H và bà Huỳnh Thị Nga ở thôn Đ, xã DP vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện TD số tiền là 8.000.000đồng, lãi suất vay là 0,9%/tháng, thời gian trả vào ngày 13 tháng 10 năm 2017. Phân kỳ trả nợ là 06 tháng/lần với số tiền là 800.000đồng. Ông H, bà Nga đã trả toàn bộ đối với khoản vay trên nên Ngân hàng đã quyết toán sổ vay ngày 23 tháng 11 năm 2012. Nay Ngân hàng không có yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Phùng Thị S trình bày: Bà xác nhận như chị P trình bày về số tiền chị P, anh D vay bà 10.000.000đồng để làm nhà là đúng. Anh D là người trực tiếp đề nghị vay tiền của bà và là người nhận số tiền 10.000.000đồng. Khi vay, hai bên không ghi nhận bằng văn bản, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả. Nay chị P và anh D ly hôn, bà không yêu cầu anh D và chị P phải trả cho bà số tiền trên và xin rút yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Đinh Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà T trình bày:

Khoảng tháng 01 năm 2017, chị P có đến hỏi bà vay 10.000.000đồng để làm ăn. Do quen biết chị P và anh D nên bà đã đồng ý cho anh chị vay số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Chị P là người trực tiếp đến nhà bà để nhận số tiền trên. Khi bà cho chị P và anh D vay tiền, bà không có yêu cầu anh, chị ký nhận nợ mà bà chỉ ghi sổ nợ về thời gian anh chị vay tiền. Hai bên cũng không có thỏa thuận về thời gian trả tiền và lãi suất.

Nay chị P, anh D ly hôn, bà đề nghị Tòa án buộc chị P, anh D phải trả cho bà số tiền đã vay là 10.000.000đồng và lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2017 cho đến khi anh, chị trả hết tiền cho bà.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 58, khoản 2, 3 Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Tiến D. Về con chung: Giao cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Hồng Nhung, giao cháu Đinh Thành Lộc cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Xác định 01 nhà cấp IV xây tường 20, lợp ploximang, có kích thước 11,7m x 5m x 3,5m; 01 nhà bếp hai gian xây gạch chỉ 110 có kích thước 5,10m x 3,6m x 2,5m; 01 ngôi nhà tắm + 01 nhà vệ sinh đổ mái bằng, xây tường 110 có kích thước là 1,8m x 2,75m x 2,5m; 02 cánh cổng sắt bằng hộp kẽm có kích thước 1,25m x 2,55m; 73m^2 sân gạch có tổng trị giá tài sản là 99.770.000đồng là tài sản chung của chị P và anh D tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Giao cho anh D sở hữu toàn bộ số tài sản trên. Buộc anh D

phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị P bằng ½ giá trị tài sản. Về khoản có cho vay và tài sản riêng: Không có. Về công nợ: Xác định khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện TD 12.000.000đồng, lãi suất 0,8%/tháng là khoản nợ chung của chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Tiến D. Buộc chị P và anh D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ trên. Đối với khoản nợ bà Đinh Thị T 10.000.000đồng xác định là khoản nợ riêng của chị Nguyễn Thị P. Buộc chị P có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị T khoản nợ trên. Về công sức và đất canh tác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí chia tài sản có giá ngạch, án phí đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật. Anh D phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của bà Phùng Thị S. Trả lại cho bà Phùng Thị S tiền tạm ứng án phí đã nộp. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Chị P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TD giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Nga, Ngân hàng Chính sách xã hội người đại diện theo ủy quyền là ông Trịnh Viết Thanh Tùng vắng mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Đinh Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Tiến D là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 4 năm

2017, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị P về gia đình bố mẹ đẻ chị ở số 229, phố Lẻ 1, đường TT, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc, vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị P và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị P và anh D thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị P và anh D có 02 con chung như hai bên đã xác nhận. Việc thoả thuận về người trực tiếp nuôi con giữa chị P và anh D là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đinh Hồng Nhung và phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình cần giao cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Hồng Nhung, giao cháu Đinh Thành Lộc cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị P và anh D có các tài sản chung như hai bên đã xác nhận.

Đối với tài sản tranh chấp là 01 nhà cấp IV xây vuông góc trên thửa đất số 233, tờ bản đồ số 11, có diện tích 312m^2 (Trong đó có 300m^2 đất ở, 12m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất ở thôn Đ, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đinh Văn H. Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị P xác định ngôi nhà trên là tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi ngôi nhà và yêu cầu anh D thanh toán cho chị ½ giá trị bằng tiền. Anh D, ông H, bà Nga xác định ngôi nhà là tài sản chung của ông H, bà Nga nên anh D, ông H, bà Nga không đồng ý đối với yêu cầu của chị P. Chị P cho rằng, thời điểm xây dựng ngôi nhà cấp IV xây vuông góc với 02 gian nhà bếp, chị và anh D có vay tiền và tài sản của nhiều người và thuê nhiều người làm công thợ không phải trả tiền công. Khi xây nhà chị P đưa tiền cho ông H, bà Nga để ông, bà mua nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chị P không đưa ra được các chứng cứ chứng minh được số tiền anh, chị đã bỏ tiền ra xây dựng. Mặt khác, ông H, bà Nga không xác nhận như chị P trình bày. Hơn nữa, căn cứ lời khai của những người làm chứng không có đủ cơ sở để xác định ngôi nhà trên là tài sản chung của chị P và anh D. Nên yêu cầu chia ngôi nhà trên của chị P là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 30 tháng 5 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản đã xác định giá trị tài sản tranh chấp cụ thể như sau:

- 01 nhà cấp IV xây tường 20, lợp ploximang, có kích thước 11,7m x 5m x 3,5m = 64.810.000đồng.

- 01 nhà bếp hai gian xây gạch chỉ 110 có kích thước 5,10m x 3,6m x 2,5m = 24.960.000đồng.

- 01 ngôi nhà tắm + 01 nhà vệ sinh đổ mái bằng, xây tường 110 có kích thước là 1,8m x 2,75m x 2,5m = 5.000.000đồng.

- 02 cánh cổng sắt bằng hộp kẽm có kích thước 1,25m x 2,55m = 2.000.000đồng.

- 73m^2 sân gạch = 3.000.000đồng.

- Đối với tường bao loan xây liền với nhà tắm, nhà cấp IV, chị P, anh D, ông H và bà Nga xác nhận đây là tài sản của ông Đinh Văn H và bà Huỳnh Thị Nga. Các đương sự không yêu cầu Hội đồng định giá định giá tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy, tài sản chung của vợ chồng chị P và anh D gồm có các tài sản sau: 01 nhà bếp hai gian xây gạch chỉ 110 có kích thước 5,10m x 3,6m x 2,5m; 01 ngôi nhà tắm + 01 nhà vệ sinh đổ mái bằng, xây tường 110 có kích thước là 1,8m x 2,75m x 2,5m; 02 cánh cổng sắt bằng hộp kẽm kích thước 1,25m x 2,55m; 73m^2 sân gạch có tổng trị giá tài sản là 34.960.000đồng. Các tài sản trên hiện đang do anh D quản lý, sử dụng, cần chia cho anh D sở hữu toàn bộ số tài sản trên. Buộc anh D phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị P ½ giá trị tài sản là 17.480.000đồng (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

[6] Về khoản nợ: Chị P và anh D có các khoản vay như hai bên đã xác nhận.

Tuy nhiên, đối với khoản vay ngày 23 tháng 11 năm 2012, chị P và anh D nhờ ông H và bà Nga vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện TD số tiền là 8.000.000đồng. Hiện nay, ông H, bà Nga đã thực hiện xong các nghĩa vụ đối với khoản vay trên và không còn nợ Ngân hàng. Ông H, bà Nga không yêu cầu chị P và anh D phải thanh toán cho ông, bà số tiền ông, bà đã trả cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với khoản vay ngày 25 tháng 12 năm 2014, chị P và anh D nhờ ông H và bà Nga vay Hội cựu Chiến binh thôn Đ, xã DP số tiền 3.000.000đồng. Hiện nay, đại diện chi Hội cựu chiến binh thôn Đ, xã DP là ông Trần Văn Sơn không có yêu cầu ông H và bà Nga phải có nghĩa vụ thanh toán cho chi Hội cựu chiến binh thôn Đ, xã DP số tiền trên. Ông H và bà Nga cũng tự nguyện cam kết sẽ có thanh toán cho chi Hội cựu chiến binh thôn Đ, xã DP số tiền trên và không có yêu cầu chị P và anh D phải trả cho ông, bà nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với khoản vay 10.000.000đồng của bà Phùng Thị S. Tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19 tháng 01 năm 2018 cũng như tại phiên tòa, bà Phùng Thị S xin rút yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc rút yêu cầu của bà S là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của của bà Phùng Thị S.

Đối với khoản vay 10.000.000đồng của bà Đinh Thị T. Chị P cho rằng đây là khoản nợ chung của vợ chồng và yêu cầu Toà án giải quyết để anh, chị đều có trách nhiệm trả nợ cho bà Đinh Thị T. Tuy nhiên, chị P và bà T không đưa ra được các chứng cứ chứng minh cho việc bà T cho chị P và anh D vay số tiền 10.000.000đồng. Anh D không thừa nhận đối với khoản vay này. Bà T trình bày chị P là người trực tiếp đến nhà bà vay tiền và nhận tiền, mục đích vay sử dụng tiền để làm ăn. Hai bên không có lập văn bản về việc vay tiền. Do vậy, không có đủ cơ sở để xác định đây là khoản vay chung của chị P và anh D, để buộc anh D phải có trách nhiệm trả nợ cùng với chị P mà xác định đây là khoản nợ riêng của chị P để buộc chị P phải có trách nhiệm trả tiền gốc và tiền lãi cho bà T. Đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc nhân với lãi suất 1%/tháng phát sinh từ nghĩa vụ hợp đồng mà bà T yêu cầu là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần tiếp tục tính lãi đối với số tiền gốc 10.000.000đồng tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2017 đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 22 tháng 8 năm 2018 là 18 tháng 21 ngày, số tiền lãi được tính là: 10.000.000đồng x 01%/tháng x 18 tháng 21 ngày = 1.870.000đồng để buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho bà Đinh Thị T số tiền gốc là 10.000.000đồng và số tiền lãi là 1.870.000đồng. Tổng cộng là 11.870.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Đối với khoản vay ngày 12 tháng 3 năm 2015, chị P và anh D vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện TD số tiền là 12.000.000đồng, lãi suất 0,8%/tháng. Đến nay, anh, chị đã trả được tiền lãi đến ngày 12 tháng 8 năm 2018 nhưng chưa trả được khoản tiền gốc nào. Do hợp đồng chưa đến thời hạn trả nợ, chị P và anh D không vi phạm về trả tiền lãi hàng tháng. Mặt khác, Ngân hàng không yêu cầu độc lập, do vậy chị P và anh D vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi hàng tháng và tiền gốc cho Ngân hàng khi đến thời hạn trả nợ tiền gốc theo hợp đồng đã ký kết. Kỷ phần của chị P và anh D mỗi người phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng).

[7] Về khoản có cho vay và tài sản riêng: Không có.

[8] Về công sức và đất canh tác: Do các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng, án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia là 17.480.000đồng x 5% = 874.000đồng (Tám trăm bảy mươi tư nghìn đồng) và án phí đối với yêu cầu độc lập của bà Đinh Thị T được Tòa án chấp nhận là 11.870.000đồng x 5% = 593.500đồng (Năm trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng); anh Đinh Tiến D phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia là 17.480.000đồng x 5% = 874.000đồng (Tám trăm bảy mươi tư nghìn đồng). Tổng cộng chị P phải chịu án phí là 1.767.500đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[10] Về chi phí tố tụng: Toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 700.000đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Nguyên đơn tự nguyện nộp và đã chi phí xong nên cần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với việc xác định 01 nhà cấp IV xây tường 20, lợp ploximang, có kích thước 11,7m x 5m x 3,5m xây vuông góc với 02 gian nhà bếp là tài sản chung của chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Tiến D để buộc anh D phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản với mức ½ giá trị ngôi nhà trên là không có căn cứ. Bởi lẽ thời điểm xây dựng ngôi nhà cấp IV xây vuông góc với 02 gian nhà bếp, chị P trình bày chị và anh D có vay tiền và tài sản của nhiều người và thuê nhiều người làm công thợ không phải trả tiền công. Khi xây nhà chị P đưa tiền cho ông H, bà Nga để ông, bà mua nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chị P không đưa ra được

các chứng cứ chứng minh được số tiền anh, chị đã bỏ tiền ra xây dựng. Mặt khác, ông H, bà Nga không xác nhận như chị P trình bày. Hơn nữa, căn cứ lời khai của những người làm chứng không có đủ cơ sở để xác định ngôi nhà trên là tài sản chung của chị P và anh D, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, khoản 2, 3 Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Tiến D.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận về giao nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Tiến D. Giao con chung Đinh Hồng Nhung, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Đinh Thành Lộc, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012 cho anh Đinh Tiến D được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chia cho anh Đinh Tiến D được quyền sở hữu 01 nhà bếp hai gian xây gạch chỉ 110 có kích thước 5,10m x 3,6m x 2,5m; 01 nhà tắm + 01 nhà vệ sinh đổ mái bằng, xây tường 110 có kích thước là 1,8m x 2,75m x 2,5m; 02 cánh cổng sắt bằng hộp kẽm kích thước 1,25m x 2,55m; 73m^2 sân gạch có tổng trị giá tài sản là 34.960.000đồng trên diện tích 312m^2 đất, địa chỉ thửa đất ở thôn Đ, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đinh Văn H. Buộc anh Đinh Tiến D phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị P là 17.480.000đồng (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đinh Tiến D không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải

trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên tổng dư nợ gốc còn lại.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị P yêu cầu chia ngôi nhà cấp IV xây tường 20, lợp ploximang, có kích thước 11,7m x 5m x 3,5m.

4. Về khoản nợ: Buộc chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị T 10.000.000đồng tiền gốc và 1.870.000đồng tiền lãi. Tổng cộng là 11.870.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đinh Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Nguyễn Thị P không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên tổng dư nợ gốc còn lại.

Chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Tiến D mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện TD số tiền gốc là 6.000.000đồng với lãi suất 0,8%/tháng kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2018 cho đến thời hạn trả nợ gốc ngày 12 tháng 02 năm 2020. Trường hợp khi đến hạn thanh toán ngày 12 tháng 02 năm 2020, chị P và anh D không trả số tiền gốc nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn là 1,04%/tháng đã thỏa thuận trên số nợ gốc.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của bà Phùng Thị S yêu cầu chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Tiến D trả cho bà S số tiền 10.000.000đồng.

5. Về khoản có và tài sản riêng: Không có.

6. Về công sức và đất canh tác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

7. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng, và án phí đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án chấp nhận là 593.500đồng (Năm trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng); chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Tiến D mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia là 874.000đồng (Tám trăm bảy mươi tư nghìn đồng). Tổng cộng chị P phải chịu án phí là 1.767.500đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Xác nhận chị P đã nộp 1.550.000đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2016/0000651 ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự

huyện TD. Chị P còn phải nộp tiếp 217.500đồng (Hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Trả lại cho bà Phùng Thị S 250.000đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sở thẩm đã nộp tại phiếu thu số AA/2016/0000858 ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD.

8. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị P tự nguyện nộp 700.000đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

9. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyệnTD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã DP, huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Tiến Dũng